

SỐ 194

NHỮNG KINH DO TĂNG-GIÀ-LA-SÁT TẬP THÀNH

Hán dịch: Đời Phù Tần, Tam tạng Pháp sư

Tăng-già-bạt-trùng, nước Kế tân.

BÀI TỰA

Ngài Tăng-già-la-sát là người nước Tu-lại. Sau khi Đức Phật nhập diệt bảy trăm năm, ngài sinh ở nước ấy, xuất gia học đạo, du hành, giáo hóa các nước và đến lãnh thổ nước Kiên-đà-việt làm thầy của vua Chân-đà-kế-nị. Ngài là bậc cao minh tuyệt thế, có nhiều dịch thuật và sáng tác. Tại nước đó, ngài tập thành các kinh “Tu hành kinh” và “Đại đạo địa kinh”. Ngài lại trước tác Hiến chương của kinh này: “Đức Thế Tôn từ khi mới thành đạo đến khi nhập diệt, chỗ hành hóa không luận lớn nhỏ phải tùy việc mà diễn bày, việc du hành giáo hóa, kiết hạ an cư không việc gì mà không rõ ràng rành mạch. Tuy bốn hạnh độ đời đã được các kinh ghi chép rõ ràng, nhưng việc Phật đi, Phật ở vẫn còn là điều bí ẩn. Nay xem kinh này chỗ hiểu biết sẽ được tăng rất nhiều! Lúc sắp tịch diệt, ta đã lập nguyện rằng nếu ta đạt năng lực của bậc Đại sĩ, lời thật chẳng dối, thì sẽ đứng dưới cây, tay cầm trang kinh mà bỏ thân mạng, dù dùng sức mạnh của con voi lớn cũng không thể làm lay chuyển mảy lông và ngay khi trà-tỳ sẽ không thể làm cháy được kinh này. Sau đó ta đứng mà thị tịch. Vua Kế-nị tự thân đến vẫn không thể làm lay động, bèn dùng voi lớn kéo cũng chẳng xô dịch được, đến lúc trà-tỳ lửa đốt mà kinh không bị tổn hại. Ta bay lên cung trời Đâu-thuật, cùng đàm đạo với Đại sĩ Di-lặc, là vị Phật sắp bổ xứ vào thời Hiền kiếp thứ tám”.

Vào năm thứ hai mươi niên hiệu Kiến nguyên, Sa-môn Tăng-già-bạt-trùng, người nước Kế tân mang bản kinh này đến Trường an, Thái thú Võ Oai là Triệu Văn Nghiệp xin phép được xuất bản. Ngài Phật Niệm phiên dịch, ngài Tuệ Trung làm bút thọ, chính lúc đó ngài Mộ Dung gặp nạn ở ngoài thành, tất nhiên dịch phẩm không hoàn thành. Tôi cùng với Pháp Hòa đối chiếu để kiểm định, đến ngày 30 tháng 11 mới xong. Năm ấy xuất bản sáu mươi quyển kinh Trung A-hàm, bốn mươi sáu quyển kinh Tăng nhất A-hàm, trong lúc đánh trống, gõ mõ để phổ cáo, xuất bản hơn một trăm quyển kinh này. Dù lúc cùng lời hay khi thông lý vẫn mặc nhiên không sửa đổi, há chẳng phải là bút tích của Tiên sư đó sao?

M

NHỮNG KINH DO TẶNG-GIÀ-LA-SÁT TẬP THÀNH QUYỂN 1

Bấy giờ, lúc mới tu hành Bồ-tát vì thương xót thế gian nên phát tâm cầu đạo; vì xuất gia cho nên thực hành nhẫn nhục, vì tâm bất tương ứng¹ nên đạt Tâm tam-muội; vì đoạn trừ vô trí nên hành trí tuệ Kim cang; vì trừ bỏ sự đùa giỡn, hành chân đế nên từ bỏ ý ô uế; vì trực hạnh nên hành khổ hạnh; vì có lòng Từ hiếu với cha mẹ nên kiên cố không bỏ thế nguyện; vì ly dục nên làm theo điều nhiều ích; vì đã niệm báo ân cầu giải thoát nên mặc áo ca-sa; vì muốn tịch tĩnh ở nơi núi rừng nên không để ý mọi việc; vì hành giả tìm hiểu nơi người thân nên biết thân mình là sự trói buộc; vì miệng thực hành không nói dối nên đối với tất cả gốc khổ, ý không niệm nhưng không xả hiện hữu vậy.

Lại nữa, như khi Bồ-tát thực hành trí tuệ, nhờ những điều đã biết nên gọi là trí tuệ. Trong tất cả việc làm của Ngài, đối với chúng sinh không thâm hiểu nghĩa lý của đê mê dài sinh tử, Ngài khuyến hóa, phân biệt bằng trí tuệ xác quyết của Ngài: “Đây là sâu, đây là cạn, thanh tịnh, nhiều lợi ích; đây là ác, đây là xấu, nên thân cận thiện tri thức”. Pháp ấy không loạn, vô lượng vô hạn, cũng không tăng giảm, giống như mọi vật khi bị gươm, kích đâm chặt đều đứt, trí tuệ của Ngài cũng như vậy. Vì hiển bày đệ nhất nghĩa nên Ngài có trí tuệ sáng suốt; vì ý tự ngã tối tăm, bế tắc nên Ngài mở bày cái thấy sáng suốt tương ứng với Ngài; nhờ có các hạnh nên căn môn đầy đủ; vì không khiếm khuyết nên Ngài hiện oai lực của mình; vì muốn đoạn tài nghiệp bất thiện nên hiện ra có tài nghiệp; vì trân bảo là không thể nắm bắt được cho nên hiện ra trân bảo như vậy; vì đoạn mạng cho nên hiện ra thọ mạng; vì đoạn các kết sử cho nên ra sức quán sát việc lâu xa. Ngài phân biệt các việc ấy cho chúng sinh khiến tất cả họ đều hiểu rõ hoàn toàn, cứu họ khỏi bị nguy khổn; vì chúng sinh ưu sầu cho nên làm khởi tâm hoan hỷ; vì để tâm ý vắng lặng, không khởi cho nên lìa pháp ác mà thành tựu pháp thiện, bỏ tà theo chánh, nhờ vậy cho nên Ngài thành tựu sức trí tuệ; vì sự sinh tử cho nên muốn đoạn vọng kiến, đến chỗ giải thoát; vì đạo khắp thế gian cho nên tu hành tất cả cảnh giới, đạt trí tuệ viên mãn hoàn toàn, do vậy đạt đến Vô vi Niết-bàn.

*Khéo đứng không di động
Không có sợ sinh tử
Liên đến cõi Bất hoàn
Tiêu diệt hết ba cõi.
Cả trăm kiếp tu hành
Muốn thanh tịnh chúng sinh
Không có tưởng ba đời
Cũng không có hy vọng.*

Đó là lúc Bồ-tát tu hành chân lý. Tên của chân lý đó là tâm không hư vọng, không nói hai lời, thường vui thích việc đó; cũng không có bỉ thử, luôn luôn vui thích sự thật

¹ Tâm bất tương ứng: Theo Luận Khởi Tín, thể của tâm động tĩnh theo căn bản vô minh nên sinh nghiệp, chuyển hiện thành ba tế tướng. Tâm bất tương ứng là tâm vi tế mà Tâm vương và Tâm sở chẳng tương ứng.

ấy. Trong lúc thức hay ngủ, chưa từng đùa giỡn, cũng không thích nói dối.

Lại nghe: Ngày xưa có một vị vua tên là Tu-đà-ma, ở trong cung chế ra loại trống pháp để thống lãnh bốn cõi, khi đánh lên thì quần thần, nhân dân đều nghe thấy. Vị vua phước đức ấy muốn đi đến ao nước để tắm rửa, liền lên xe Vũ bảo ra khỏi thành. Bấy giờ có một Bà-la-môn nhan sắc đoan chánh, thông minh trí tuệ, muốn đến chỗ vua để xin châu báu. Bà-la-môn liền tâu với vua, tự xưng tên họ và đưa tay cầu xin. Vua nghe xong, hoan hỷ trả lời:

–Hãy khoan! Nay Tôn giả, chờ ta về nước sẽ cứu tế cho. Phạm phép vua không nói hai lời.

Nhà vua liền đến ao nước tắm rửa; tắm rửa xong trở về nước. Khi ấy có con quỷ có cánh tên Yết-ma-sa-ba-la, hiện tướng khủng bố, tay nắm thân vua làm nhà vua rơi lệ. Lúc đó quỷ quán thấy tâm của nhà vua như vậy, liền hỏi:

–Đại vương, vì sao ông lại khóc, và có tâm ưu sầu thế kia?

Bấy giờ Bồ-tát trả lời:

–Ta không lo tưởng cho thân này, chỉ vì ta có hứa cho một vị Bà-la-môn của báu nên mới ôm lòng sầu lo như vậy.

Con quỷ nói với nhà vua:

–Tôi chưa bao giờ nghe chuyện hết sức kỳ quặc như vậy, thế gian rất hiếm có! Nếu vì nhân dân của ông, vậy tôi cũng đến để xem thử. Nay nếu tôi thả ông ra, ông có trở lại chăng?

Bấy giờ vua hết sức sung sướng. Con quỷ vỗ đôi cánh bay lên hư không, quán xét lời nói của vua, liền thả vua ra.

Bồ-tát trở về nước, hoan hỷ lấy tài vật cho vị Bà-la-môn kia thật chẳng dối gạt; bố thí không hối hận đúng như lời đã nói.

Sau đó vị quốc vương trở lại chỗ con quỷ, tự xưng tên họ và nói:

–Ta đã đến đây.

Bấy giờ con quỷ thấy tướng mạo của nhà vua liền rất kính sợ, vì vua đã nói lời thành thật nên nhan sắc của vua không thay đổi, trừ bỏ sân hận, không có ý sát hại. Nó thốt lên:

–Thật là chuyện hết sức kỳ lạ, ta chưa từng nghe thấy bao giờ!

Và nói bài kệ:

*Tôi thà uống chất độc
Thà nuốt nước đồng sôi
Dao bén cắt thân thể
Sao dám hại Pháp vương?
Phước xưa sinh vương tộc
Xét đức không ai bằng
Dũng mãnh, thật chẳng dối
Rất xứng làm Quốc vương.
Nay tôi phải tôn kính
Theo Ngài không sát hại
Hối cải, tu thiện hạnh
Chúng sinh được an lành.*

Khi Bồ-tát tu hạnh nhu hòa, tâm Ngài nhu hòa, có danh tiếng tốt, lời nói không thô bạo; vì muốn cầu pháp nên luôn phòng hộ ý, chưa từng sinh lòng oán ác, không sinh hy

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

vọng, miệng không nói lời ác; vì người ngu si nên hiện tướng trí tuệ; vì trừ tâm cấu uế nên ai cũng khen ngợi, không có ý tưởng tự cao, không tùy thuận các điều hư huyền; tất cả đều nhờ chư Phật ủng hộ nên đạt được đức như vậy. Ngài cũng không có điều gian ngụy, những ô uế như vậy thấy đều tránh xa. Ngài có được tâm nhu hòa, thiện căn vốn đầy đủ, nên mọi người đều mến yêu. Ngài không tiếc thân mạng nên thần tiên đều khen ngợi. Với sự nhu hòa như thế thì có thể quán biết quả báo thiện ác của Ngài. Trí tuệ công đức của Ngài đầy đủ như đã nói trên, gốc thiện cũng không đoạn mất khi bản cùng. Ngài bố thí vàng bạc, châu báu để trừ bỏ các ô uế. Năm Ngài lên mười tuổi, gặp phải ách nạn, dù tự tại làm theo ý muốn nhưng Ngài cũng không sát sinh. Thân tạo nghiệp lành, tâm sinh của cải, miệng thì truyền giáo. Khi hành động tạo nghiệp, Ngài trừ khử những điều ô uế ngăn che.

Bấy giờ, này các Tỳ-kheo, Ngài đã dừng nghỉ sự tồn tại của thân thế gian, những ý tưởng sở hữu đã chấm dứt hoàn toàn, nhờ đã chấm dứt hoàn toàn nên xa lìa sự nhiễm trước mà đời trước đã tạo ra. Nhiễm trước đã đoạn, đã hết, nên không tạo ra nữa, nên đoạn trừ gốc khổ, hết sự bại hoại.

Ngài trụ trong pháp thâm diệu ấy đã tu tập và tuyên thuyết pháp như thế giống như tay cầm bánh xe sáu tháng mà không giải đãi.

Các Đức Phật Thế Tôn đều đã biết rõ, đều đã thành tựu hết, liền nói bài kệ:

*Không tạo ý dua nịnh
Biết rõ nghiệp tà pháp
Vốn không tạo nghiệp ấy
Luôn quán sát như vậy.
Ý dững mãnh như biển
Nhu hòa không thô bạo
Đầu mặt xin đánh lễ
Bậc Vô Trước hy hữu.*

Lúc Bồ-tát từ hiếu đối với cha mẹ, tâm Ngài có niệm báo ân, cung kính vâng lời, xa điều ác, theo điều thiện, tùy thời cung cấp, nửa đêm thức dậy thăm dò ý cha mẹ, không việc gì mà không làm. Những điều cha mẹ giáo huấn, ngăn cấm, chưa từng vi phạm. Ngài có tâm nhu hòa như vậy cho nên mới có việc làm như vậy. Tâm Ngài đã tu hành, thường tự quán sát nên làm việc gì, nghe những điều cha mẹ giáo huấn liền biết rõ; tâm thường hoan hỷ, ái kính tất cả; nhớ nghĩ, biết rõ tâm của cha mẹ nên thường nghĩ việc muốn báo ân; không bao giờ có lời nói thô bạo.

Lại nghe, ngày xưa khi Ngài chưa thành Bồ-tát, còn làm đại tượng vương, đoạn chánh vô song, đầu, mắt, da, lông thấy đều đoạn chánh, ai xem cũng không chán. Tai dày, sung mãn hơn các con voi khác, ngà dài, chân ngay thẳng, có tâm vui thích, môi răng đều đỏ, đầu tai tròn trịa; hình thể tròn đầy cân đối vô cùng to lớn, cao rộng giống như hòn núi cao, bước đi chững chạc, bảy chỗ (trên thân) đầy đặn giống như hoa sen xanh, bước đi vững vàng không có trở ngại, do long nữ sinh ra, rong chơi trong núi đầm, sắc như tuyết trắng. Khi bị thợ săn bắt được dắt đi, cây cối, núi rừng bấy giờ thấy đều nghiêng mình buồn thảm, nước tự dâng lên chỗ voi ở, thợ săn đem các món ngon ngọt đến, nhưng voi cũng không chịu ăn. Bấy giờ người huấn luyện voi đến trước, quỳ dài chấp tay nói với con voi ấy bằng bài kệ:

*Tôi vốn tạo căn lành
Mời voi thần đến đây*

*Sao lại không chịu ăn
Như có tâm oán hận?*

Bấy giờ voi thần liền nói kệ đáp lại:

*Mẹ tôi bị mù mắt
Già yếu thêm sâu nã
Nhớ mẹ không thể ăn
Cho nên xin tha mạng.*

–Ở trong núi sâu kia, mẹ tôi không ăn, đói khát, chắc chắn sẽ bị chết. Thật là thống khổ! Mẹ con nay phải ly biệt. Vì sự sầu lo ấy nên tôi không thể ăn, cũng không thể uống được. Không có quả ngon để dâng cho mẹ tôi, như vậy, cả tôi và mẹ tôi đều chết.

Voi thần nói những lời chua xót ấy xong, người thợ săn liền hoan hỷ thả voi ra.

Bấy giờ, ở nước Câu-tát-la có một vị học sĩ ẩn cư tên Diễm Thí. Vị này tu hành Thập thiện đầy đủ công đức, ôm bát đi lấy nước. Khi ấy quốc vương nước Câu-tát-la xuất hành để đi săn, đuổi theo con nai từ trong núi phóng ra, nhà vua liền buông tên, lỡ bắn trúng Diễm Thí. Bấy giờ Diễm Thí kêu la, lo cho cha mẹ, nói:

–Tôi giống như con chim mà không có hai cánh, cha mẹ tôi tuổi già, mù lòa không thấy đường, nay tôi bị trúng tên độc ắt sẽ chết. Cha mẹ tôi đang tu Tứ đẳng tâm.

Liền nói bài kệ:

*Lo cha mẹ tôi già
Mắt mờ không thể thấy
Khi cha mẹ sinh con
Muốn được nhờ sức con.
Tự giác và giác tha
Tất cả đồng tự tướng
Như nghe thanh, thấy sắc
Người trí ý tự dừng
Tối thắng thương chúng sinh
Đều đưa đến đạo tràng
Phát khởi tâm diệt độ
Nghĩa tối diệu thế gian.*

Khi mới phát tâm, người được gọi là Bồ-tát phải có những hạnh nguyện như vậy:

Tiên diệt vô minh và các thứ ngăn che, tất cả vô minh đều làm cho trở thành hữu minh. Ngoại trừ người có tuệ giác, chúng sinh nào không có khả năng để loại bỏ vô minh muốn hiện bày hữu minh phải dùng trí tuệ tu hành. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà hành hạnh Đại từ.

Xót thương thế gian nên phát tâm hướng về đạo; vì tất cả chúng sinh đều bị ái nhiễm, không thể tự đảm đương việc lớn, ngoại trừ bậc Tuệ giác. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh bị sắc tướng, bị dục ái trói buộc không người nào có thể giải thoát khỏi chúng, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh bị hai niệm căm ghét, oán hờn cùng nhau trói buộc làm cho mê mờ nhưng không ai có thể biết được điều ấy ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên

đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh bị gánh nặng khổ, bị khổ làm hại, không ai có thể vượt qua gánh nặng khổ ấy, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh thường ôm lòng sợ hãi, trăm thứ khổ cùng lúc ập đến không ai có thể trừ được sự sợ hãi ấy, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh gặp phải mất mùa đói kém, khát ái không chán, không ai có thể giải trừ được nạn đói kém ấy, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh bị bệnh khổ bức bách, một bệnh chuyển động thì trăm thứ bệnh tăng, không ai có thể thoát khỏi bệnh ấy, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh bị sinh, già, bệnh, chết thường theo đuổi thân mà bị tai họa, không ai có thể thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết để đạt được Vô vi, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh chấp đắm tư tưởng hiện hữu, thường còn trước các sự việc tạp nhạp ở đời, không ai có thể trừ được sự tạp nhạp đó, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh có việc không làm được nên tâm tánh hoang mang, hỗn loạn, không ai có thể làm việc ấy rốt ráo được, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh tham đắm một chút mùi vị mà phải trải qua các thứ khổ không ai có thể thoát khỏi khổ não ấy, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh thường ôm lòng do dự, mong mỏi bỏ chánh, theo tà, không ai có thể đoạn trừ sự hồ nghi ấy, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh có nhiều kiến chấp, không ai có thể nhổ hết các kiến chấp ấy, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh bị chìm đắm trong đám bụi trần không thể vượt đến bờ giải thoát, không ai có thể đạt đến bờ giải thoát, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh bị ba thứ lửa cháy lớn thiêu đốt, không ai có thể thoát khỏi chúng, cũng không thể dùng mưa pháp để tiêu diệt chúng, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh bị luân chuyển trong vòng sinh tử, không bao giờ dừng nghỉ, cũng không ai có thể đạt đến bờ giải thoát, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh bị hành động ô uế, nhiễm trước làm tăng trưởng gốc sinh, không ai có thể thoát khỏi sự sinh tử ấy, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh thân thì bị sự hiểm nghèo lớn, tay thì vịn dây nguy khốn, không ai có thể thoát khỏi sợi dây nguy khốn ấy, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Chúng sinh như tầm ăn dâu bị hành xua đuổi bức bách, không ai có thể thoát khỏi dòng thác ấy, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh khởi ra niềm sầu bi với sinh tử, nhưng thường ôm lòng hy vọng, cũng không ai có thể làm cho nó ngừng lại, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh hưởng tới ác đạo, thường có tướng dục hạnh, không ai có thể ở yên trong chánh đạo, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh tự ở trong đêm dài tăm tối không có trí tuệ, không ai có thể thoát khỏi con đường tà ấy, để được chánh trí, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh không quán chiếu để thấy cứu cánh, thấy chân lý Hiền thánh, không ai có thể làm cho mình thấy được chân lý Hiền thánh, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh bị chìm đắm trong đêm dài sinh tử, không ai có thể thoát khỏi sự chìm đắm ấy, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh không có nhân tịnh và những nơi tương ứng với nhân tịnh, không ai có thể đến được chốn nhân tịnh ấy, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh mãi mãi bị nhiễm trước bởi tham đắm kết sử, không ai có thể diệt trừ được kết sử ấy, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh gặp khổ nạn, tâm tán loạn rối ren, không ai có thể làm cho họ đến được chỗ giải thoát, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh cho dục là thanh tịnh, bên trong đầy đầy hôi thối, không ai có thể thoát khỏi ái dục ấy, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh cho dục là vui nên bị các ấm làm khổ hoạn, không ai có thể hiểu được Đệ nhất nghĩa để đạt đến Niết-bàn, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh chấp trước tướng “Hữu thường”, cho là không dời đổi, không ai có thể chỉ ra con đường Niết-bàn, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh cứ lo toan tính ngã tướng mà không hiểu pháp số, không ai có thể phân biệt pháp, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh không được cứu chữa mối họa chán ghét Niết-bàn giống như loài chó thường giữ thầy chết, chạy Đông chạy Tây không bao giờ dừng nghỉ. Mối họa mà người ngu si làm nay cũng như vậy, không khác gì con chó ấy, tự mình không có tánh hạnh, cứ chạy Đông chạy Tây mà không hiểu ý nghĩa Niết-bàn, lại bị ấm cái ngăn che không thể quán sát. Bồ-tát khởi ý dừng mãnh làm cho chúng sinh đạt được đạo Niết-bàn, liền nói bài kệ:

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Có nhiều loại chúng sinh
Lưu chuyển trong sinh tử
Quán khổ gian nan ấy
An ổn đến Niết-bàn
Bị mây ám ngăn che
Sống tối tăm, mờ昧
Bạc trí hiện thế gian
Trừ mây, ánh sáng hiện.*

Khi Bồ-tát thực hành hạnh bố thí ấy, ban đầu dấy lên pháp tướng, dùng đồ ăn ngon ngọt, thơm ngon để làm lợi ích chúng sinh tùy thời cung cấp, cùng tương ứng với Đệ nhất nghĩa, tâm không tham tiếc mùi vị, thành tựu tròn đầy, trừ bỏ các trói buộc, cũng không xa lìa, không trái với người xin, khi cho xong không có tâm hối tiếc. Tất cả đều do trước kia Ngài đã làm các công đức bố thí khiến cho tâm không còn bị trói buộc. Ngài vì chúng sinh mà gánh vác trọng trách, khiến họ đều bỏ hết kết sử như việc bố thí ngày hôm nay. Ngài đã thành tựu điều nguyện ước của mình, muốn cho những mong cầu của chúng sinh đều được thành tựu. Từ nhỏ đến lớn Ngài không có ý gây tổn hại, kham nhẫn các thứ ô uế, tai họa, mà hành công đức bố thí, dần dần đạo đức càng dày, làm Bạc thuyền sư để dẫn đường cho dân chúng. Ngài không bao giờ rời bỏ hạnh bố thí, thường ưa ban bố; bên trong thì tự thanh tịnh, bên ngoài hiện tướng ô uế; không trái nghịch tất cả, nghĩa là đối với tất cả chúng sinh trừ bỏ tâm kiêu mạn, không có tâm lưỡi biếng, tâm bố thí tăng trưởng, sắc diện vui vẻ, không có oán hận; không tự khen mình, cũng không tự hạ mình. Yêu thích chúng sinh, tất cả những gì Ngài sở hữu đều đem bố thí. Việc đáng làm đã làm xong nên tập hợp nhân dân bố thí không kể xiết mà vẫn không có tâm hối tiếc; tâm ý vui vẻ, khen ngợi quả báo bố thí sâu xa. Ngài lấy vàng bạc, châu báu, xa cừ, mã não, xe cộ, nam nữ, thành quách... tất cả đều đem bố thí. Tâm Ngài không xan tham, tật đố, chỉ có lòng yêu thương kẻ được thí và muốn làm cho họ sung mãn, tròn đầy theo ý nguyện của họ, muốn cho quả báo kẻ được thí đều được kiên cố, muốn làm cho kẻ đi thuyền được đến bờ. Ngài vì người được bố thí ấy cho nên làm đầy đủ các việc nghĩa ấy, và quán sát quả báo của sự bố thí mà trừ bỏ các kết sử, trừ bỏ sự tham đắm của chúng sinh khiến cho họ không còn tà kiến, trừ khử xan tham, tùy thời sinh sống. Họ nhờ mưa pháp thấm nhuần cho nên đều quy mạng.

*Thí vàng bạc, trân bảo
Ngọc xa cừ, mã não
Chiêm ngưỡng không nhàm chán
Nay lay Đấng Thích Tôn.
Voi, ngựa và vàng ròng
Sắc tốt đẹp đệ nhất
Hay thí, nhan sắc tươi
Quy mạng Bạc Giải thoát.
Xe báu là thứ nhất
Ngọc Anh lạc trân bảo
Nhan sắc thật tươi vui
Vợ con và nam nữ
Bát vàng chứa đầy bạc
Hoặc là chứa đầy vàng*

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Người dùng hoan hỷ thí
Ai hơn Tỳ-sa-môn?
Hòa nhã tự bố thí
Như quả rất tốt tươi
Hoan hỷ mà tuệ thí
Đầy tràn cả ba cõi.
Nam nữ thật mỹ miều
Vợ, thân và đầu mắt
Bố thí hết cho đời
Ai thí bằng vị ấy?
Đàn thí không gì hơn
Trời người không sánh kịp
Giống như Thượng Nhân kia
Tâm như biển không đáy.*

Khi Bồ-tát tu giới, với vị ấy giới chẳng phải là vô giới và những việc mà thân, khẩu làm, những điều mà tâm ý khởi đều là pháp cam lộ, giống như hoa quả kia nhờ vun đắp gốc rễ tất sẽ sinh quả tốt; và với vị ấy năng lực có được đều là những việc con người làm. Mọi người sát sinh, không cho mà lấy, dâm dật và các thứ buông lung, còn Bồ-tát thì không uống rượu, đối với các giới, trí tuệ thấy đều đầy đủ, trừ bỏ tà giới, ở nơi đạo tràng thường hành Tam-muội; xa lìa việc phạm giới, cũng không có ý sát hại; thọ nhận đồ tín thí cúng dường, tâm vật đều thanh tịnh, với mùi vị nồng nàn cũng không vi phạm, nội tâm không khiếm khuyết, bỏ ý niệm sở hữu, cũng không bày vẽ; y cứ theo cái nhìn không hư hại, không ước trước nên không tạo quả ô uế mới mà trồng giống thiện mới, ngủ hay thức đều không buồn lo, cho nên dù vị ấy có mang hình tướng chúng sinh vẫn là tối đệ nhất. Do công đức ấy nên hương lành bay xa. Ngài nhờ thọ dụng của tín thí không tạo tác nên ý luôn kiên cố; nhờ các căn đầy đủ nên không bị tán hoại; nhờ trí tuệ vững chắc không lay động nên không có gì mà không hủy hoại được. Do vậy vị ấy có sự tăng ích, do vậy vị ấy có thể mang vác gánh nặng khổ não. Vị ấy nhờ có thiện pháp cho nên bất cứ ở đâu cũng không sấu não, cũng không nhiễm trước. Vì hình dáng cho nên có phục sức, bởi vậy vị ấy có tài bảo vô hạn, vô lượng, vô cùng tận.

Từ lúc Ngài mới phát tâm vẫn chưa từng thay đổi, hối hận, hướng chi những giới cấm của Bồ-tát đã thành tựu? Bấy giờ liền nói kệ:

*Trên, dưới và bốn phương
Các cõi nghe hương giới
Tất cả đều đầy đủ
Lìa dục là tối thượng.
Gần gũi thiện tri thức
Bậc thiện tạo công đức
Sắc đẹp không ai bằng
Giới hương, phước đệ nhất.
Các uế đều tiêu trừ
Biết ngã là vô ngã
Đắc quả sau bảy đời
Con nay xin đánh lễ.*

Lại nữa, khi Bồ-tát thực hành tinh tấn, chuyên với các pháp tâm vị ấy vẫn thường

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

nhiên, cũng không giải đãi nên việc xuất gia không bị chướng ngại. Vị ấy vì chúng sinh nên xuất gia, và do không dao động nên có lực duyên làm cho tất cả chúng sinh có sức tinh tấn ấy; do không thể hơn nên có tâm nhẫn; do có điều tăng ích nên thị hiện ở đời; do có công đức nên thị hiện làm chúng sinh; do nhiếp tâm ý nên tâm vị ấy không dao động; và làm thuyên sử hướng dẫn tất cả được đến bờ bên kia. Vị ấy nhờ định cho nên không loạn, nếu có người khởi ý đi theo tất sẽ được độ. Ngài vì họ mà làm cho sở nguyện của họ được thành tựu. Ngài vì muốn thành đạo nên bố thí voi, ngựa, xe báu.

Khi Bồ-tát ở trong chúng sinh có sự tinh tấn ấy, ai nghe danh tiếng tinh tấn của Ngài liền phát tâm đến với đạo. Những công đức mà một đời đã làm không thể tính lường, huống chi là công đức mà Đức Như Lai đã tạo trong vô số a-tăng-kỳ kiếp? Lúc Ngài ngồi nghiêm trang ở đạo tràng hàng phục ngoại đạo, trải qua sinh tử nhờ tâm ý tinh tấn nên Ngài trừ hết các ưu sầu.

*Hạnh tinh tấn tối thượng
Cúi lạy Đấng Pháp Vương
Do Phật khéo tự giác
Nay lễ Bạc Vô Đẳng.
Ngài tối tôn đệ nhất
Tiếng trống pháp vang xa
Với tự giác, giác tha
Thế nên quy mạng lễ.*

Lại khi Bồ-tát thực hành nhẫn nhục, tâm Ngài không sợ hãi, không có niệm hoảng sợ, không có nhiễm ô, không quán xem quả báo của kẻ khác. Ngài có năng lực hộ trì cho chúng sinh, thường xa lìa điều ác, tâm tánh luôn luôn kiên cường, tự xét lỗi mình. Tất cả chúng sinh đều ôm lòng sợ hãi thì làm cho họ không sợ hãi, chỉ cho họ tu giới luật; cũng vì tất cả chúng sinh hàng phục điều thô ác, bỏ lời nói bất thiện, thương yêu chúng sinh. Ngài không hề có hạn lượng trong việc y theo ngôn ngữ của chúng sinh để thuyết giảng đưa người nghe pháp đến với chân lý, vi diệu đệ nhất. Giống như hoa trái không phải là không thể nở hoa vì bị gió thổi, mà ở nơi thâm sơn cùng cốc ta vẫn hái được những đóa hoa đủ màu, hương thơm ngát, pháp âm phước đức của Ngài tất cả chúng sinh đều thích nghe. Giống như ong chúa hút nhụy hoa dùng để làm mật nên các ong con cũng đều làm mật như thế; các nguồn suối nơi nơi chảy tràn nên các vườn Na-đà vui sướng không gì bằng, Ngài dù bị chửi mắng cũng đều nhẫn được. Với các người cầu mong chú thuật thì Ngài chỉ sự tầm quý cho họ. Chúng sinh tu hành bị ách nạn thì được Ngài cứu độ, nên gọi là Nhẫn nhục Tiên nhân.

Bấy giờ, vua Ca-lam-phù đi vào núi sâu muốn săn hươu nai. Vừa vào trong núi thấy vị Tiên nhân Nhẫn nhục ấy, liền đến trước quỳ hỏi:

–Ngài ở trong núi sâu này để cầu đạo gì?

Vị tiên đáp:

–Cầu tu đạo nhẫn nhục.

Bấy giờ nhà vua không tự quán sát, cũng không quán sát các hạnh, muốn thử Tiên nhân, liền nói:

–Nay tôi sẽ chặt đứt tay chân Ngài.

Nhà vua liền chặt tay chân của vị Tiên nhân ấy, lại hỏi:

–Nay Ngài cầu đạo gì?

Tiên nhân đáp:

–Tôi cầu đạo nhẫn nhục.

Và Tiên nhân khen ngợi đức tính nhẫn nhục. Đại vương càng thêm giận dữ, muốn giết Tiên nhân. Bấy giờ Tiên nhân đã bị chặt đứt tay chân, liền thề nguyện:

–Hãy khiến cho ta đời đời đừng sân hận, cũng không có tâm sân hận đối với vị Đại vương này mà sẽ làm cho ông này hiểu rõ tất cả pháp đều là hư không.

Có vị Tiên khác đến chỗ vị Tiên ấy hỏi:

–Tại sao Thần tiên không khởi tâm sân hận đối với vị vua kia?

Vị Tiên tu nhẫn nhục đáp:

–Như khi thực hành nhẫn nhục này, có năng lực đại nhẫn nhục này, nên ở mọi thời khắc không khởi ý sân hận, và do quán như vậy thì sắc mặt cũng không thay đổi.

Bấy giờ, Hộ Thế tứ vương đi đến chỗ của vị Tiên nhân ấy, ĐỀ-đầu-lại-tra, đầu mặt đảnh lễ Tiên nhân hỏi:

–Nay con muốn giết vua Ca-lam-phù, có nên chăng?

Vị ấy nói như vậy xong, Tiên nhân im lặng không đáp. Khi ấy Đệ nhị Thiên vương lại hỏi:

–Nay tôi sẽ giết sạch trai gái, già trẻ và nhân dân trong thành quách này được chăng?

Nói như vậy xong, Tiên nhân vẫn im lặng không đáp.

Bấy giờ vua Tỳ-lâu-bì-xoa lại hỏi:

–Tôi đem tất cả nhân dân trong nước này giết hết, xin Ngài cho phép.

Bấy giờ Tiên nhân vẫn im lặng không đáp. Tỳ-sa-môn vương hỏi:

–Tôi muốn đem cảnh giới nước này đến phương khác, xin Ngài chấp thuận.

Bấy giờ Tiên nhân hoan hỷ khen ngợi đức tính nhẫn nhục, liền nói bài kệ:

*Chặt đầu, mất, tay, chân
Không khởi tâm oán hận
Tất cả đều đem cho
Hướng chi chống thế gian?*

Bấy giờ Hộ thế Thiên vương lại hỏi:

–Vậy ý muốn của Tiên nhân như thế nào? Mong cầu điều gì?

Tiên nhân đáp:

*Muốn để cho thân vua
Không bị báo ác hạnh
Vua ấy tuy hung tàn
Lo người không tự lo.*

Như khi Bồ-tát tu hành Tam-muội, giả sử lúc nhập Tam-muội ấy tâm có đối tượng để duyên thì không bao giờ quên mất cũng không phóng dật chỉ giữ tâm chuyên nhất; hoặc lại không ân cần tìm cầu phương tiện cũng không thọ các hành, tuy hiểu các pháp vị nhưng không đắm vào pháp, nội tâm vị ấy cũng không có kết sử. Ngài trú trong Tam-muội thanh tịnh không tỳ vết nên có thể hàng phục kẻ địch bên ngoài mà không khiếp nhược, và do nhất tâm nên hiểu được khí vị của Tam-muội đó; tâm không đắm trước nên chế ngự được căn tánh; do tâm chưa từng giải đãi nên thành tựu các hành, chứng đắc Tam-muội, căn tánh hoan hỷ, tinh tấn không dờ, niệm không tán loạn; trọn kiếp tu hành, rõ biết đạo phẩm, tâm niệm hoan hỷ, đạt được dũng mãnh, tất cả đều nhờ vào trí tuệ mà dần dần đạt được hoan hỷ, an lạc.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Tuy nhiên khi Bồ-tát hành Tam-muội ấy thì sẽ khởi Tam-muội thiện hạnh; khi đã đạt được Tam-muội thì mọi thiện hạnh lúc đi, lúc đứng chưa từng quên mất. Vị ấy nhờ có hạnh này nên thiện pháp đầy đủ; nhờ khởi các thiện hạnh nên những điều mong cầu đều hiện ra trước mắt. Giả sử tâm có sâu muộn thì dần dần sẽ chế ngự tâm ấy khiến cho không xao lãng thiện hạnh. Khi tư duy tăng trưởng thì càng tăng thêm điều thiện; nếu tâm phóng dật thì hướng tâm tư duy thiện pháp; nếu tâm bị ưu sầu trói buộc liền có thể tư duy về pháp thiện giải thoát ấy. Khi mọi trạng thái oai nghi của mình đều hoàn thiện, vị ấy liền vì người diễn thuyết về loạn tưởng, các bệnh cấu uế và các loại Tam-muội khác. Đó là các Tam-muội với đầy đủ công đức. Đó là các hạnh Tam-muội mà kết quả tối thiện, giống như cây cối xanh tươi là biểu hiện của sự giải thoát thanh tịnh và các màu sắc khác như xanh, vàng, đen, trắng là đều tùy theo sự đến đi không bị chướng ngại của Tam-muội ấy. Nếu dùng năng lực Tam-muội như sức hỏa quang của mặt trời thì không nơi nào mà không được chiếu soi; người đắc Thiên nhãn cũng lại như thế rõ thấu đêm ngày; người đắc Thiên nhĩ năng lực cũng vậy nghe được cùng khắp.

Vị Bồ-tát chứng được Tam-muội vô hạn vô lượng, không thể luận bàn ấy đều nhờ năng lực Tam-muội, cũng nhờ tư duy, nhờ không giải đãi, nhờ trí tuệ sáng suốt, biết nắm, biết buông thả, cũng nhờ mong cầu Tam-muội, nhờ xa lìa tưởng ác, nhờ năng lực thuận nghịch của Tam-muội. Các tưởng như vậy đều là từ Tam-muội này sinh ra. Vị ấy dùng pháp môn tổng trì để thành tựu Tam-muội, với việc chọn pháp tu thích hợp mà không mệt mỏi, chán nản, không tìm cầu phương tiện Tam-muội không kiên cố để tu tập chánh định; vì tất cả dục cho nên chế ngự tâm ý, khéo hộ trì tư duy cũng không tán loạn, tùy ý tự tại, không nói lỗi của người, vô lượng, vô hạn không có cùng tận; ở trong Tam-muội hiện tại đoạn trừ nghi hoặc, phóng vô số ánh sáng, nương vào tất cả thiện pháp làm thanh tịnh tất cả kết sử, luôn luôn tu tập Tam-muội, nương nơi các thiện pháp.

Do vậy nên nói bài kệ này:

*Được tâm giải thoát ấy
Tam-muội không chướng ngại
Ban đầu vào đại hải
Nước xoáy khó kiểm chế.
Nếu trong ý có dục
Tâm cũng không chuyển dời
Muốn đoạn cảnh giới nước
Đều là gốc muôn hạnh.
Ta suốt trọn trăm năm
Gánh cha mẹ mà đi
Nguyện Ta vẫn không mỏi
Để báo ân cha mẹ,
Được che chở mẹ cha
Chỉ nơi cha mẹ thọ
Ai biết rõ như vậy
Là hy hữu thế gian.*

Bấy giờ, khi Bồ-tát thực hành tâm kiên cố, nhiếp tâm giải thoát, có phương tiện như vậy, và có tâm ý dũng mãnh thì những việc mà vị ấy làm đều không ngăn ngại, cũng không bị người khác ngăn cấm, cho nên phải cầu phương tiện.

Xưa kia ông A-lan-ca-lan khởi các thiền định, rồi xả các thiền ấy, lại cầu đạo Vô

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

thượng của Tam-da-tam Phật, liền đến một nơi cách nửa do-tuần về phía Nam. Khi đến chỗ vắng vẻ ấy hành các thứ khổ hạnh, ăn trái cây, uống nước, mặc áo da đen, ở dưới gốc cây, ngồi kiết già, hoặc có lúc uống nước, hoặc có khi ăn trái cây, hoặc có khi nhịn đói, tu những khổ hạnh như vậy, nằm trên cỏ, hoặc lấy tro phủ lên, ưa thích ở đấy suốt ba đêm mà nhan sắc vẫn không thay đổi, trong chín ngày lễ bái thờ lửa. Những người phóng dật nghe theo lời dạy của vị ấy, hoặc khi thờ trời, đầu mắt dần dần suy yếu, xương tay lộ ra, hoặc đứng một chân, thân thể cong lại, mà không có tâm trộm cắp chỉ lấy pháp tự vui. Lúc ấy, Ngài khổ hạnh cầu đạo cũng không ăn uống, da xương liền nhau, thân hình khác ngày trước, thân đen xạm, sắc mặt vàng vọt, giống như đàn không hầu bên trong trống rỗng; gân cốt đều hiện ra, có trăm thứ biến hóa, không thể quán sát, tướng mạo của tuổi thanh xuân vĩnh viễn không còn nữa; ví như voi già không được cho ăn, ngồi nằm đi đứng đều không có sức lực, cũng không thể nói năng, tuy có tham sống nhưng không tồn tại bao lâu.

Ngay sau đó, Thiên sứ đã đến chỗ Ngài hiển bày phương tiện, có không biết bao nhiêu cách biến hóa như thế. Ngài vì pháp cho nên lúc thức hay ngủ cũng không đánh mất khí tiết của mình; vì cầu giải thoát như vậy nên không tiếc thân này. Bấy giờ Ngài liền nói kệ:

*Dù ta bị hư nát
Thân người thành trăm mảnh
Tâm vẫn không sân hận,
Muôn loài sinh không khác
Trong ý nào có tham.
Khổ nào nhiều vô số
Nếu chấp có ngã tưởng
Ngủ với chết đâu khác.*

Bấy giờ Bồ-tát tu hạnh Đa văn. Người được gọi danh tiếng là dùng tâm vắng lặng đệ nhất để tự tán dương đức của mình, và được mọi người kính hầu, tâm tánh không loạn nên những điều nghe được có thể thọ trì không xao lãng. Bồ-tát nhờ quán sát nghĩa ấy nên tâm trừ bỏ được kiêu mạn, có hạnh nghiệp và trí tuệ cùng tương ứng với nhau như thế. Nay những việc nghe biết đều nhờ có trí tuệ không giải đãi, cung kính sư trưởng, mong được tự tại; với người đối khổ thì khởi lòng Từ bi, hàng phục ngoại đạo, không bị chướng ngại, cũng không có cấu uế; ở nơi quốc độ khác hiện thân hành đạo, không bị ái dục nhiễm trước, khởi ý phương tiện muốn đem lại giải thoát cho thế nhân.

Bấy giờ Bồ-tát có tâm Từ, Nhất thiết trí như vậy đều do phương tiện khởi ra.

Do vậy nên nói kệ:

*Ngài nghe nhiều tiếng tốt
Sắc mặt vẫn không đổi
Vật kiên cố cũng hư
Hướng thân Ta ngày nay.
Ban đầu thọ pháp này
Có đức tin Thế Tôn
Liền sinh trí tuệ lớn
Trừ bỏ các kết sử.*

Khi Bồ-tát làm việc ân đức, Ngài phân biệt ân đức không lãng quên nên có được

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

trí tuệ. Vì muốn báo đáp ân kia nên Ngài tạo chút công đức trọn không quên mất, cũng không cùng tận, giống như gieo ít hạt lúa mà suốt đời vẫn không bỏ qua.

Xưa kia Bồ-tát muốn cầu đạo Vô thượng, ở một chỗ nhàn tịnh, có con chim Bồ-tát Anh vũ thường ở trên cây ấy. Bấy giờ gió thổi làm các cây cọ vào nhau phát ra lửa; lửa cháy càng lúc càng mạnh, cháy tới hang núi; các cây xanh đều bị lửa thiêu rụi. Lúc ấy lửa đã tuôn khói cuộn cuộn rất mãnh liệt không thể diệt được, giống như ánh sáng mặt trời, khói bụi bay lên, các cây lớn nhỏ đều bị thiêu sạch, tựa như lúc trời đất tan hoại. Người thấy, nghe hiện tượng ấy bỗng chốc đều hoảng hốt, các vật đều bị đốt hết, cây cối đều bị cháy sạch.

Khi ấy Bồ-tát là thân chim Anh vũ, trong một đêm liền nghĩ như vậy: “Giống như chim bay đậu trên cây này còn có tâm báo ân, ta cũng vậy”, liền khởi lên ý báo ân: “Huống chi nay chúng ta luôn ở nơi đây mà không thể dập tắt lửa này sao? Nay đã đúng lúc ta hiện oai lực của mình”. Nó bay vào đại dương lấy hai cánh đựng nước đem về rưới đám lửa ấy, hoặc dùng cánh rưới, hoặc dùng miệng phun bên Đông, bên Tây. Bấy giờ có một vị thần nói bài kệ:

*Lửa ấy hết sức mạnh
Mây khói khó thể gần
Tuy người có thiện tâm
Cũng không thể dập tắt.*

Bồ-tát Anh vũ nói với vị thần đó:

*Tôi ở trong núi này
Chưa từng quên ân ấy
Sao lại phải bỏ đi
Mặc lửa đốt rừng cây.
Nay tôi có sức lực
Ý muốn dập tắt lửa,
Ở núi này sao chẳng
Muốn được báo ân này?*

Thọ thần lại nói bài kệ:

*Chim này có ân từ
Màu sắc thật đoan chánh
Đó là ứng nhân pháp
Thế gian rất hy hữu.*

Bấy giờ vị Thiên thần suy nghĩ, liền nói với chim Bồ-tát Anh vũ:

*Biết người có từ ân
Vì người, ta dập lửa
Thương người có tâm này
Ta diệt lửa tức khắc.
Bấy giờ có mây lớn
Vì thương chim Anh vũ
Nay ta diệt lửa kia
Khiến người được thỏa nguyện.*

Bậc sẽ thành Đăng Chánh Giác liền nói bài kệ:

*Như Lai vào lúc đó
Do có tâm Từ ân
Các Ngài sinh hoan hỷ
Bậc trời, người cúng dường.
Để đến được bờ giác
Xa lìa sinh, lão, bệnh,
Tín tâm phải kiên định
Mới thống nhiếp mười phương.*

Bấy giờ, Bồ-tát mặc áo ca-sa là vì làm mô phạm cho người đời, vì làm cho chúng sinh bỏ tục theo đạo, vì làm cái lọng lớn che mát thế gian. Thế là Ngài bỏ quốc vương, vợ con, xuất gia học đạo để vượt qua các nghi hoặc.

Khi Bồ-tát đắp y ca-sa có công đức tăng ích như thế. Ta từng nghe thời quá khứ, Đức Tam-da-tam Phật dạo vườn xem hoa quả sầm uất và muốn được xuất gia. Dân chúng dạo chơi trong vườn ấy thấy Phật xuất thế ngấm nhìn không chán. Dân chúng tập hợp đông đảo trong vườn ấy mà không có tiếng ồn. Trước vị mặc áo ca-sa, ba màu trong sáng, tất cả đều lắng tai nghe lời giải thoát, âm thanh nhu hòa, và vì tuổi thọ hữu hạn nên cùng nhau đều tự quy y Phật. Ngài vì tất cả chúng sinh khổ cho nên chế ngự sân hận. Người sân hận sắc mặt như đồng đỏ, hơi thở dồn dập như thể khói, gió nổi lên. Phật thấy sắc như vậy liền nói:

–Hãy cùng tâm Ta tương ứng, khi Ta khởi tâm này thì được giải thoát.

Bấy giờ vì giữ gìn ca-sa có các công đức và xả các uế tạp, Ngài liền nói bài kệ:

*Cũng không tự biết tên
Cùng việc ấy tương ứng
Cũng không khéo tắm giặt
Hàng phục nên đến đây.
Sớm thâu nhiếp quả ấy
Tự cắt không hối tiếc
Miệng dạy lời nói lành
Ắt phải tự bại hoại.
Tuy lại quán như vậy
Cùng Ta nói nghĩa này
Ta sẽ bố thí chúng
Nhãn sự khổ nào này.*

Khi đã cắt bỏ thân thể để hàng phục tâm mình, liền nói lời ấy bằng bài kệ:

*Đừng làm các khổ hoạn
Với xan tật như thế
Quả này tuy rất nhỏ
Ác báo không thể lường.*

Bấy giờ Bồ-tát ưa thích chỗ nhàn tịnh nên ở tại khu vườn kia mà quán chiếu, thanh tịnh không náo loạn cũng không có các sự duyên. Ai đến chỗ ấy đều sợ hãi, nhưng đó là chỗ vị ấy ưa thích.

Ta từng nghe: Có một vị tiên đã đạt chỗ cực diệu, không đâu sánh bằng (*chỗ ở của Tiên nhân được rộng nói như trên*). Các sự duyên mà vị ấy có đều bị diệt tận nên vị ấy rời khỏi khu vườn ấy ra đi. Lúc ấy Bồ-tát chưa đạt quả A-duy-tam Phật còn là thân con

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

thỏ nường tựa nơi chỗ ở của vị tiên, thấy vị tiên xuống núi, liền dùng kệ nói với Tiên nhân:

*Thân người ở thế gian
Vi diệu không gì bằng
Đã được sinh ở đời
Nên ở nơi rừng núi.
Lành thay! Này Tiên nhân,
Gần gũi bậc thiện căn
Không có các uế ác
Tự mình điều phục tâm
Tâm sát hại khởi lên
Tự biết phải hạn chế
Có thể tự nhiếp phục
Không còn tưởng cảnh giới.*

–Tiên nhân, ngài đã bỏ cảnh giới đáng được có. Chúng ta xuất gia là vì cầu đạo giải thoát, tâm ý đã quyết, không bỏ vị cam lộ, hãy bỏ tâm mong cầu, vì các công đức nên cùng ở chốn núi rừng. Ngài có tâm chánh định không loạn động và đã ở chốn núi rừng này thì phải nên ưa thích nó. Như mặt trăng chiếu ban đêm, mặt trời chiếu ban ngày, bậc Năng nhân có ân từ nên ở nơi núi rừng này. Tiên nhân lúc còn trẻ đã sống trong núi rừng này, năm nay tuổi tác già nua, vì cố gì mà bỏ chốn này đi?

Khi ấy vị tiên bèn nói:

–Ta nên tự điều phục tâm mình trở lại!

Bồ-tát hoan hỷ nói:

–Nếu Tiên nhân bỏ đi thì ai có thể thích sống ở đây được?

Bồ-tát liền nói kệ này:

*Nay Ta không có đậu
Lúa, thóc và ngũ cốc
Tâm đã tự điều phục
Nguyện ở núi rừng này.*

Bấy giờ Ngài thành Bạc A-duy-tam Phật liền ở tại núi ấy soi sáng thế gian và ưa chốn an nhàn ấy, vì vậy thường ở núi rừng, rồi nói kệ này:

*Cảnh giới thật rõ ràng
Núi rừng, hành nghiệp khổ
Thường thích chỗ nhàn tịnh
Tự thân tu tư duy.
Thân công đức giải thoát
Tâm ý thường vui tươi
Trí tuệ rất vi diệu
Nên sống gần núi rừng.*

Bồ-tát có tâm thân hữu này, thường mang tâm Từ, sống tỉnh giác, sống như thật như những điều Ngài đã được nghe trong khoảng không bao la nơi núi rừng... như Khế kinh đã nói liền khởi niệm: “Núi rừng này không có các quả, các pháp giải thoát, chỉ nhờ tu hạnh nhẫn mới được pháp giải thoát”. Lúc ấy Bồ-tát suốt đêm hành từ tâm và các pháp giải thoát, không xúc nhiều dân chúng ở đó. Ngay khi Ngài thẳng thân ngồi tư

duy không di động thì có một ổ chim ở trên đầu. Ngài biết con chim ở trên đầu đang ấp trứng, luôn lo sợ trứng rớt nên thân không lay động. Lúc ấy Ngài liền quán sát và hành pháp xả thân bất động ngay tại đó, do sức ân cần của Ngài nên làm chim kia được an lạc. Ít lâu sau chim con đã mọc đủ lông cánh nhưng chưa thể bay được, nên Ngài vẫn ngồi yên không bỏ đi. Nay Ngài hành tâm Từ này dù có gặp điều gì lạ vẫn không sợ hãi. Chúng sinh chưa bao giờ làm như thế, chỉ tự biết điều tiện lợi cho mình. Do vậy nên nói kệ:

*Vị hay biết việc này
Vĩ đại trong loài người
Không xúc nhiễu kẻ khác
Đức độ ấy ai hơn?
Cho nên Đức Thế Tôn
Có sức Thần đệ nhất
Nên ở nơi đạo tràng
Tự đầy đủ công đức.*

Bấy giờ, khi Bồ-tát thực hành lòng Từ, vì tự Ngài có sức mạnh nên có thể gánh vác gánh nặng cầu đạt mục đích: “Ta sẽ độ thoát làm tăng trưởng công đức cho tất cả chúng sinh; với người không có năng lực thoát khổ thì Ta trừ diệt ưu sầu ở đời; với người không ai cứu hộ Ta vì họ làm người cứu hộ; người không hy vọng làm cho họ hy vọng; người không sức mạnh làm cho họ có sức mạnh; với người có tật bệnh làm y vương cho họ; với người già cả chỉ cho họ tâm hồn trẻ trung; với người trẻ trung, ta chỉ cho họ cách sống có năng lực”.

Từng nghe: Khi Đức Thế Tôn hành đạo, có vô số Tỳ-kheo vây quanh trước sau. Lúc viên quán bị lửa cháy, các Tỳ-kheo thấy khói lửa bốc cháy, họ đều chạy đến chỗ Thế Tôn, hoặc có người tán thán Thế Tôn, hoặc đến đứng trước Phật. Các Tỳ-kheo ấy đứng trước Đức Như Lai quán sát Ngài. Bấy giờ Ngài liền nói kệ:

*Như Ta, chẳng ai bằng
Ba đời, công đức đủ
Do nói lời thành thật
Điều ác mau chấm dứt.*

Ngài nói kệ vừa xong, đám lửa ấy liền dập tắt. Bấy giờ các Tỳ-kheo khen là chưa từng có, đều là nhờ ân lực của Thế Tôn. Họ hoan hỷ đối với Như Lai, mọi người đều khen bài kệ này là chưa từng có.

Đức Thế Tôn bảo:

–Này các Tỳ-kheo, Ta tuy ở nơi vắng vẻ, an nhàn nhưng có đủ các loại cảnh giới, với rất nhiều hình thức. Lúc đó, Ta chưa thành Bạc Chánh Đẳng Chánh Giác, tên là Chất-cốc-la-cù. Ta từ lúc ra đời đến lớn, luôn tự tại, ưa bố thí cho mọi người, để cầu hạnh vi diệu. Thời đó, dân chúng nước Trại trà rất thịnh vượng, đất đai phì nhiêu, có nhiều rừng trúc, lan, cây cối, núi cao. Khi ấy các khu rừng bị lửa cháy dữ dội, dần dần lửa lan đến núi đằm. *(Những biến cố như vậy đã được nói rộng trong Khế kinh).*

Bấy giờ có bầy chim đến khu rừng sinh con. Các con chim non ấy chưa có lông cánh, hoặc có con có cánh thì sống còn, hoặc có con rơi xuống đất, hoặc có con bẻ đầu, sứt đuôi, chúng cũng không thể bay được, hoặc có con bị đói khát, thấy lửa cháy dữ dội chúng đều muốn bay thoát. Ngay lúc ấy thấy ngọn lửa này, Ta nghĩ cũng không giữ

được thân mình, nhưng nhờ công đức trong vô số trăm ngàn kiếp khởi tâm hộ trì chúng sinh. Lúc đó Ta phát nguyện thanh tịnh khiến những chúng sinh kia thoát khỏi đại họa ấy. Ta bèn dập tắt ngọn lửa và ngọn lửa liền tắt. Thuở trước nhờ hành tâm Từ mà nơi quốc độ kia Ta đã dập tắt được ngọn lửa dữ; huống chi ngày nay Ta đã thành tựu tâm đại bi nên ngay đây lửa sẽ bị dập tắt.

Đức Thế Tôn liền nói bài kệ:

*Do từ thuở thiếu thời
Đã quán pháp vô thường
Tất cả đều hư hoại
Nên thương xót chúng sinh.*

Ngọn lửa ấy liền được dập tắt. Khi lửa tắt chưa lâu, ta dùng trí tuệ sáng suốt để diệt trừ lửa tham ưu ở đời.

Bấy giờ Bồ-tát vì việc lớn sinh tử, nên muốn ra đời để cứu độ chúng sinh, quán sát nguồn gốc sinh ra khổ.

Từng nghe: Ở chốn núi rừng vắng vẻ có các con quạ, nai, bồ câu, rắn sống ở đấy. Nơi đó có một vị Tiên nhân Bồ-tát thường sống bằng hoa quả, nước suối. Bấy giờ con quạ đến bên vị tiên hỏi:

–Thế gian có cái gì khổ?

Khi ấy con quạ lại nói:

–Cái đói là khổ nhất. Nhưng do nhân duyên gì mà có nỗi khổ ấy? Tất cả chúng tôi sẽ tự trình bày ý kiến của mình: thân thể mệt mỏi, bị đốt cháy, các căn bất định, miệng không thể nói, tai không thể nghe, thường ôm lòng suy nghĩ, cho nên đói là khổ nhất. Gặp khổ hoạn này thân như bị lửa đốt, do bị đói khát nên bệnh ấy khó trị dứt, tương khổ liên tục, đều là do có cái khổ như thế.

Lúc đó con nai lên tiếng:

–Sợ hãi là khổ. Những yếu tố đem đến sợ hãi là thân ở riêng một mình gặp phải người thợ săn nên thường ôm lòng sợ hãi; thân tâm ô uế nhưng thường sợ mất thân này; lại sợ thợ săn muốn giết hại mình. Thân này đâu có bền chắc gì, nó ở trong vô thường, dong ruổi Đông, Tây. Sự sợ hãi ấy do đâu sinh ra? Và thường khởi niệm: tất cả những sở hữu ấy đều là hành nghiệp, nên xả ly tất cả thân. Vì tất cả chúng ta có thân này nên thường ôm lòng sợ hãi, không an ổn dù trong khoảnh khắc, đều do chúng ta đã tạo cái khổ bại hoại này nên có sự sợ hãi như vậy. Do đó, sợ hãi là khổ.

Chim bồ câu liền nói:

–Dục là khổ nhất, tức là tâm chìm trong cảnh vui tịnh lạc, tư duy như thế sẽ không thoát khỏi tai họa của dục. Dục ấy giống như lửa, giống như dầu bơ đựng vào hủ nhưng bị lửa dữ đốt cháy, nếu có nói điều gì đều bị đắm nhiễm trong tâm. Lửa dục cũng vậy, vì tâm nhiễm trước dục nên thiêu đốt hình hài, tăng thêm sự trói buộc. Trong vô số kiếp bị dục mê hoặc, hội họp đốt cháy thân thể người. Vì vậy, dục là khổ nhất.

Con rắn liền nói:

–Sân hận là khổ nhất. Cái gọi là sân hận đó làm thương hại mạng người, nó không có lớn nhỏ, làm tăng thêm các gốc tội, làm cho thân thể, nhan sắc thường bị biến đổi; hễ động tâm là có ý sát hại, trở thành đỏ mắt, bức xúc, nghiến răng, nhìn mọi người một cách hằn học, lắc đầu, động thân, thở dài, mửa chất độc, thân thể, da thịt đỏ rực một màu sân hận, tất cả mọi người đều không muốn nhìn, thường nằm trong hang, đói cũng sân, no cũng sân, mắt nhìn không thiện cảm, có sự biến hoại như vậy giống như lửa

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

thieu đốt núi đầm; lửa sân hận này cũng lại như thế. Vì vậy cho nên sân hận là khổ.

Bấy giờ Bồ-tát với trí tuệ thâm thâm tư duy việc ấy, liền nói bài kệ:

*Tất cả đều là khổ
Do gần gũi với sắc
Thọ sinh tất phải khổ
Nay hãy nghe ta nói
Giống như tai họa lớn
Khổ nào không hạn lượng
Tất cả do nhân sinh
Nên sinh chẳng phải thật.*

Nếu có người đã thành Bồ-tát đạo rồi, lưu chuyển trong sinh tử, lấy tâm Từ bi hoan hỷ để che chở thương yêu tất cả chúng sinh, nhờ trí tuệ bén nhạy nên không bị chướng ngại, có ý dũng mãnh tu Nhất thiết trí, không có tâm giải đãi nên khi giáo hóa không có sự hoài nghi, thường có cái nhìn bình đẳng nên chí tánh kiên cố không có trở ngại, được khí vị ấy nên không mất ý chí, có năng lực để đảm nhận việc phân biệt các pháp không bị lệch lạc. Vị ấy thành bậc Đại trí tuệ, tâm bố thí giải thoát không thay đổi, hối hận. Bồ thí tất cả như quốc vương Thấp-tỳ thường tu tịnh hạnh, chưa từng giải đãi; như vua Ma-ha-đê-bị có đầy đủ nhẫn lực; như Thần tiên nhẫn giữ giới không khiếm khuyết; như học sĩ Bồ-lại-đa vui thích xuất gia nhan sắc hòa duyệt, hoặc lại được ái kính mà tâm ý không nhiễm trước; như vua Đại-tu-đạt-thí-na du hành giáo hóa nhân gian; như vua Cù-tần-đà yêu thích chánh pháp; như Uất-đa-la-ma-nạp thích ở chỗ vắng vẻ an nhàn, dùng tiếng kỹ nhạc mà thấu triệt được lý đạo; như Bồ-tát Thiện Giác ở trong đại chúng cất tiếng sư tử rống, tất cả vị ấy đều được giải thoát, đều đến cảnh giới Niết-bàn; các công đức đầy đủ ắt sẽ thành tựu, với đạo càng tăng thêm đức độ viên thành Bồ-tát hạnh. Bấy giờ liền nói bài kệ:

*Càng không ý giết hại
Bồ-tát công đức tịnh
Chí tánh đã kiên cố
Như mặt trời chiếu soi
Yêu thích pháp như thế
Phước điền không ướ trước
Thương xót người thế gian
Nên nói Như thị nghiệp.*

Bấy giờ Bồ-tát không có tâm sợ hãi, từ cung trời Đâu-thuật giáng thân, quán các hành hữu vi là vô thường, tâm không loạn tưởng, thường tự quán sát, biết mình từ đâu sinh đến, cũng lại tự biết không còn thọ thai nữa; tâm trụ trong chân đế cứu cánh không nhiễm trước. Lúc vào trong thai mẹ, an trụ trong đó cũng không loạn tưởng, quán sát phạm giới là ác hạnh, giữ giới là thanh tịnh không bị nhiễm trước. Lúc ở trong thai, không hạnh nào mà không thanh tịnh, giống như hoa sen không bị nhiễm bùn, ở đó khởi nhiều tâm đạo. Có trí tuệ này nên được các Thiên tử thương hộ vệ. Chư Thiên của cõi trời Đâu-thuật liền đến ở lại hộ vệ, hiện ở trong các tướng dâm, bất tịnh mà vẫn thích tu phạm hạnh. Từ lúc Bồ-tát nhập thai vào bụng mẹ, thân của phu nhân chưa hề ô ướ đều nhờ giới hạnh của Bồ-tát hết sức thanh tịnh, tâm không có ý làm thương hại chúng sinh, lập nguyện hành bố thí, chí thành quán sát kỹ, muốn đi xuất gia. Thiên tử Đại Tôn Diêu

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Thần đều phò trì để thai được thanh tịnh không bị nã hại. Nếu nhấc chân thì đi bảy bước. Khi Bồ-tát khởi ý muốn xuất gia liền quán xem bốn phương, nay phải đi phương nào để thoát hết khổ hay muốn có nước thơm để tắm gội thì tự nhiên có ao nước thơm, tất cả những điều ấy đều do công đức đời trước mà có. Trời mưa hoa Ưu-bát, hoa Câu-văn-la để cúng Đức Như Lai.

Do vậy nên nói kệ:

*Siêng tu vô số kiếp
Vì cứu khổ chúng sinh
Luân chuyển không hạn lượng
Trời người được yên ổn
Thường có kỹ nhạc trời
Đều khiến tâm hoan hỷ
Làn hương bay đến trước
Hàng phục các oán ma.*

Khi Bồ-tát từ cung trời Đâu-thuật giáng thân, chúng Phạm thiên đều đến hầu hạ, Thiên chúng và nhân dân vây quanh Đức Thế Tôn, đó là tướng thứ nhất; hoặc Bồ-tát từ cung trời Đâu-thuật giáng thân, quả đất bị chấn động mạnh; hoặc khi Đức Thế Tôn giác ngộ, các trần lao của chúng sinh không có tạp uế. Điềm lành được ứng hiện đầu tiên này là quả đất bị chấn động mạnh; là các trần lao của chúng sinh vĩnh viễn không sinh ra nữa, là sự an lạc tối thắng. Hoặc khi Bồ-tát từ cung trời Đâu-thuật giáng thân thì có luồng ánh sáng lớn chiếu khắp thế gian, đó là tướng ánh sáng trí tuệ đầu tiên được ứng hiện. Làm cho các nơi u ám đều thấy ánh sáng, đó cũng là tướng trí tuệ. Hoặc lúc Bồ-tát mới sinh, cất chân đi bảy bước, đó là hiện điềm lành của bảy giác ý. Khi Bồ-tát quán sát bốn phương, đó là điềm lành của Tứ hiền Thánh đế. Khi Bồ-tát mỉm cười, đó là hiện tướng điềm lành cứu hộ chúng sinh. Khi Bồ-tát nằm mộng thấy thế giới này là cái giường, núi Tu-di là gối, tay chân duỗi ra ngoài bốn biển, đó là niệm tưởng về thế gian hữu thường, đó là hiện điềm lành pháp vị cam lộ. Ngài lại nằm mộng thấy cây Đề-lệ-ca mọc trên rốn, lá che khắp cả ba ngàn thế giới, đó là hiện điềm lành đạo tràng, trời người tôn kính. Ngài lại mộng thấy nhiều con chim bay chung quanh Ngài, đều đồng một màu, đó là hiện điềm lành chúng thành tựu. Ngài lại mộng thấy con trùng thân trắng đầu đen, đó là hiện điềm lành chúng Ưu bà tắc thành tựu. Ngài lại mộng thấy đi trên đỉnh núi, là được điềm lành được lợi không xan tham.

Bấy giờ liền nói kệ:

*Hiện điềm lành hy hữu
Nhờ ngài công đức đủ
Đã khởi tất phải diệt
Khổ vui cũng đổi thay
Thấy điềm kia hoan hỷ
Ắt có Phật ra đời
Như trời trong không mây
Không còn các trần lao.*

Bấy giờ tâm ý của Bồ-tát không gì có thể làm lay động như đã nói, như mặt trăng mới mọc ở chốn tối tăm, mọi người đều kính mến, Ngài liền từ chỗ ngồi đứng dậy muốn được xuất gia. Khi Bồ-tát khởi tâm ấy liền có ba cảm thọ lạc cuối cùng. Từ

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

giường cao bước xuống, lúc ấy Ngài khởi ý này: “Đó là sàng tòa cao rộng nhất”. Khi Bồ-tát ra khỏi cửa thành, Ngài khởi niệm: “Ta không đắc đạo, trọn đời không trở về”. Bồ-tát cỡi xâu chuỗi Anh lạc trao cho Xa-nặc, khi ấy Bồ-tát lại nghĩ: “Cái y báu này là vật sở hữu cuối cùng của Ta”. Bồ-tát lấy ngựa trao cho Xa-nặc, Ngài cũng nghĩ: “Đây là con ngựa Ta cỡi cuối cùng”. Bấy giờ Bồ-tát tay phải cầm dao tự cắt tóc mình và khởi niệm: “Đây là râu tóc cuối cùng của Ta”. Bồ-tát lấy y báu đổi da nai để làm ca-sa, khi ấy Bồ-tát nghĩ: “Đây là y phục Ta nên mặc”. Hoặc Bồ-tát ngồi nơi đạo tràng và nghĩ: “Ta không bỏ thế ngồi kiết già. Nếu chưa đạt được Nhất thiết trí, Ta sẽ không bao giờ rời khỏi tòa này”.

Do vậy nên nói kệ:

*Tích đức từng chút một
Sẽ được vô lượng phước
Như nước cứ nhỏ mãi
Tất thành dòng sông lớn
Quán xem bao nhiêu loại
Hạnh hữu vi đã tạo
Nên ăn vị cam lộ
Tiêu diệt các độc ác.*

Khi Bạc Nhất Thiết Trí thành Đẳng Chánh Giác, Ngài quán thế gian là vô thường, khổ, không. Ngài đã thành Đẳng Chánh Giác nên không có các phiền não. Do nhân duyên thành Đẳng Chánh Giác nên những phiền não khởi lên thấy đều tiêu diệt. Ngài biết rõ tất cả cái chết cùng với sự sống xoay vần tương quan với nhau. Bấy giờ Ngài phân biệt bằng nhãn thức nên có sự giác tri như vậy, cao hay thấp tùy theo sự tạo tác của chúng sinh mà có cảnh giới ấy. Trí tuệ viên thành và không có nghi hoặc đối với nguồn gốc nhân duyên của sự giác tri kia. Sự giác ngộ ấy không có giới hạn. Lúc ấy trí tuệ Ngài phát sinh, biết rõ Đạo lưu truyền khắp thế gian, biết rõ Đạo bất di bất dịch. Bấy giờ Ngài vượt qua tất cả khổ, và phân biệt rõ ràng từng cảnh giới một. Hoặc nơi một kiếp, hoặc trăm kiếp, hoặc trăm ngàn kiếp, tâm ý lưu chuyển nhưng không hề di dời, ý không nhiễm trước cũng không nao loạn, trí tuệ vô lượng nhưng cũng không bỏ trí tuệ, ý khéo phân biệt, du hí trong cảnh giới để cầu phương tiện, được quả báo vô lượng, đầy đủ trí tuệ, và tất cả đều không chướng ngại.

Do vậy nên nói kệ:

*Biết tất cả vật
Cũng là vô lượng
Tới, đi xoay vần
Không bị chướng ngại
Đều rõ tất cả.
Sở quán tối thắng
Trừ khổ ba cõi
Chiếu soi thế gian
Ai phân biệt được?
Chỉ Phật mới hiểu.
Muốn cầu vi diệu
Phải cầu Như Lai
Như Lai tùy thời*

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Cho họ tương ứng
Sẽ được thành tựu
Không còn thoái chuyển.*

Bấy giờ Đức Thế Tôn độc hành, không có bạn lữ, cũng không có bậc Thầy. Bậc Công Đức vô lượng muốn dạy dỗ chúng sinh đối với Phật pháp đều thành tựu Nhất thiết trí, thành tựu Đẳng chánh giác. Bậc Tối Tôn vi diệu không ai bằng biết rõ căn bản thú hưởng của các trần lao, tất cả đều thành tựu, ý niệm không dời, dùng trí tuệ phân biệt tất cả pháp độ; chuyển hóa các kết sử trở nên vi diệu bậc nhất, xướng thuyết tất cả hành cho nên gọi là Nhất thiết trí. Khi đã có Nhất thiết trí, giữ tâm chuyên nhất, hiểu tất cả pháp, đoạn trừ tất cả kết sử cho nên gọi là Nhất thiết diệt; trừ bỏ hữu ái và vô ái, cũng không có bạn lữ, thành tựu tất cả công đức, trí tuệ bình đẳng cứu hộ tất cả chúng sinh như cha mẹ thương con, dần dần thành tựu công đức lực. Vì không tham lam, kiêu mạn cho nên gọi là tối thắng; vì hiển bày tám Hiền thánh đạo mà chuyển pháp luân. Ví như cái bóng không ở trước mặt trời mà ở trước bóng tối, cũng vậy tất cả kết sử không thể cùng tương ứng với đạo cho nên Ngài chuyển pháp luân.

Do vậy nên nói kệ:

*Đầy đủ các công đức
Cũng không có hạn lượng
Sắc Ngài khó nghĩ lường
Đầy đủ tất cả tướng
Giống như mặt trăng sáng
Chiếu soi trong đêm đen
Biển cả nhóm châu báu
Đức Thích chủng cũng vậy.*

Quán các duyên khởi xong, Ngài đạt được trí tuệ hiểu rõ hoàn toàn mười hai nhân duyên. Trí và ý của chúng sinh do khởi ái nhiễm với bụi trần dày đặc nên để chúng giống ruồi trong tâm thức; hoặc do khởi trí hữu lậu, tạo ra các nghiệp khổ nên cần đạt đạo xuất thế. Do biết rõ dục và biết diệt trừ các kết sử nên không có tưởng khổ vui, không có tưởng dừng nghỉ. Bởi trí vô ngã nên được tăng thêm lợi ích; bởi trí tương ứng với thức nên thân tâm rộng rang; trí muốn hàng phục nên có ý chí mạnh mẽ; tâm này bị nhiễm trước nên khởi ý nương tựa trí, tự mình tỉnh ngộ, quyết định diệt các kết sử; khởi trí tuệ sáng muốn điều phục kết sử; khởi trí Hưu tức muốn đến được bờ giác; khởi trí Khinh cử nhẹ nhàng để tự phù hợp với sự giác ngộ của chính mình; dùng chân lý để truyền dạy cho chúng sinh nên khởi trí Diệt tận; nhờ tư duy chân lý ấy mà có các thiền vi diệu; nhờ tư duy ấy mà khởi trí Độ bỉ ngạn; tâm vị ấy có được hy vọng và những người khác cũng có hy vọng đều được thấy dấu đạo. Ý có chỗ y cứ nên đạt được trí tuệ, tứ đại ở trong trạng thái dừng nghỉ, tư duy làm cho các tướng loại đều hướng đến bờ giác; được trí Thiên nhĩ bình đẳng vượt đến cảnh giới giải thoát, hạnh chuyên nhất bình đẳng vượt đến bờ kia; được trí Thiên tử, y vào thức ấy muốn có trí phân biệt, biết ý nghĩ trong tâm trí người khác, khiến tất cả đều tu hành, đều thanh tịnh. Vì muốn hóa độ chúng sinh nên tự ngộ được Túc mạng trí; vì tướng thiện ấy cho nên thị hiện tứ đại; được trí Thiên nhãn trong tâm liền biết, quán sát giới thanh tịnh; được trí Thệ nguyện, có công đức của bậc đại thần tiên, nhờ chủng tử Tam-muội sinh ra ấy nên đạt đến các cảnh giới Tam-muội. Vì muốn mãi ích lợi, làm cho chúng sinh hoan hỷ liền được trí Cửu cánh.

Do vậy nên nói kệ:

*Mỗi mỗi người nghĩ đến
Thân cận thị hiện ngay
Để phân biệt các pháp
Hiển bày Đại thân tiên.
Nên biết rõ nghiệp lực
Để bỏ các trần cái
Đạt được tâm quán sát
Lành thay, Bạc Thượng Nhân!*

Ngài sống như thật mà không có ái dục, không tương ứng với ái dục; cũng không sân hận và không có ý sát hại; cũng không ngu si, biết rõ căn bệnh ngu si; cũng không dua nịnh, thường hay nhu hòa; cũng không tự khen mình, thường dạy điều lành; cũng không chấp tướng, trừ bỏ tướng mong cầu; cũng không có tâm bỉ thử, không làm thương hại người khác, tự được giải thoát; cũng không dục vọng, có tâm thương xót, làm việc gì cũng thành tựu, không những có tâm Từ mà có cả tâm Bi; không có tư tưởng tạp uế mà có tâm che chở; muốn độ thoát cho tất cả chúng sinh nên có tâm không, cấm giới đầy đủ nên có tâm vô nguyện, trí tuệ thấm nhuần nên có tâm vô tướng, cũng không nhiễm trước, cũng không vui chơi nhưng vì người thế gian nên không lìa sự vui chơi, tránh các ác nghiệp nên thuyết pháp giáo hóa; thành tựu cấm giới nên không có khiếm khuyết; thành tựu Định tam-muội nên không lay động; thành tựu trí tuệ đều đến bờ giác, đầy đủ mười lực nên không ai hơn được; đắc bốn Vô sở úy nên không có tâm khiếm nhược, đi một mình trong ba cõi, ở trong đại chúng mà cất tiếng rống sư tử.

Do vậy nên nói kệ:

*Giống như đại hải kia
Rộng lớn rất vi diệu
Mười lực, Nhất thiết đức
Cảnh quán của Trí nhân
Giống như biển lớn ấy
Khi sóng lớn lay động
Có người đến bờ kia
Công đức đó không lường.*

